

Số: **516/2020/QĐST-HNGĐ**

Hà Nội, ngày 11 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Đ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 707/2020/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Chị Trần Thu T**, sinh năm 1988; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P27 ngõ 162 T, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Số nhà 4, ngách 241/7 ngõ 241 K, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội.

- **Anh Quyền Quốc Đ**, sinh năm 1987; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: P27 ngõ 162 T, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thu T và anh Quyền Quốc Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội ngày 22/5/2009. Do vậy, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính cách, bất đồng quan điểm sống. Nay anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2]. Về con chung: Chị Trần Thu T và anh Quyền Quốc Đ thống nhất xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Quyền Thu T (nữ), sinh ngày 13/10/2009 và Quyền Bảo Q (nữ), sinh ngày 21/02/2013. Ly hôn, anh chị thỏa thuận giao cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, anh Đ cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000 đồng một tháng đối với mỗi cháu kể từ tháng 9/2020.

[3]. Về tài sản chung: Chị Trần Thu T và anh Quyền Quốc Đ không có tài sản chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ: Chị Trần Thu T và anh Quyền Quốc Đ thống nhất xác nhận

không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Chị Trần Thu T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình và không có yêu cầu gì đối với anh Quyền Quốc Đ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thu T và anh Quyền Quốc Đ.

- Về con chung: Chị Trần Thu T và anh Quyền Quốc Đ có 02 con chung là Quyền Thu T và Quyền Bảo Q. Ghi nhận sự thỏa thuận của chị T, anh Đ, giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung là cháu Thu Tâm và Bảo Quyền. Anh Đ cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000 đồng một tháng đối với mỗi cháu kể từ tháng 9/2020 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Anh Đ có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị Trần Thu T và anh Quyền Quốc Đ không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

- Về nợ: Chị Trần Thu T và anh Quyền Quốc Đ xác nhận không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Trần Thu T tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, đã nộp tại Biên lai số 0014723 ngày 27/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Đ;
- UBND phường H, quận Đ, TP.Hà Nội
(để ghi vào sổ hộ tịch: GCNKH số 78,
Quyển số 01, ngày 22/5/2009);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ĐÌNH QUỐC TRÍ